



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02989/2026/PKQ (26.1160.12A2606.257-258)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : Công ty TNHH TM & MT Hậu Sanh
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : Nhà máy tái chế và xử lý chất thải nguy hại Hậu Sanh,
xã Xuân An, tỉnh Gia Lai
Loại mẫu : Khí thải
Số lượng mẫu : 2
Thời gian lấy mẫu : 23/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 23/06/2026 - 31/07/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				12A2606.257	12A2606.258
1.	Nhiệt độ	°C	QT.HT.KT50	71,8	-
2.	Hàm lượng Oxy (O ₂)	%	QT.HT.KT50	14,9	-
3.	Lưu lượng khí thải	m ³ /h	US EPA Method 2	5.290	-
4.	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	71,1	-
5.	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	<5,0	-
6.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	18,7	25,0
7.	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.KT50	310	-
8.	HCl	mg/Nm ³	JIS K 0107:2012	<5,0	-
9.	Thủy ngân (Hg) và hợp chất (tính theo Hg) ^(d)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,01	<0,01
10.	Cadimi (Cd) và các hợp chất (tính theo Cd) ^(d)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,01	-
11.	Chì (Pb) và các hợp chất (tính theo Pb) ^(d)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,01	<0,01
12.	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃	mg/Nm ³	US EPA Method 8	-	2,6
13.	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, TI, Zn) và hợp chất tương ứng ^(d)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	<0,17	-
14.	Hydrocacbon (C _x H _y) ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	<0,0001	-
15.	Toluene ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	-	<0,003
16.	Metilaxetylen ^(d)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649: 2014	-	<0,002

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG
(VIMCERTS 120 – VIMCERTS 079 – VIMCERTS 032)

Địa chỉ: Số 334, Đường Trần Đại Nghĩa – Phường Ngũ Hành Sơn – Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-236) 3967797; Website: <http://www.istee.vn>; <http://www.danetc.vn>

Ghi chú:

- 12A2606.257: Mẫu khí thải ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt, E 109°9'40.2", N 13°58'39.3"

- 12A2606.258: Mẫu khí thải hệ thống xử lý khí thải khu vực chưng cất dung môi, xử lý bóng đèn huỳnh quang, tháo dỡ bình ác quy, xử lý và thu hồi thiết bị điện, điện tử, súc rửa thùng phuy và tái chế nhớt., N 13°58'38.5, E 109°9'40.1"

- (d): chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 9,10,11,13,14,15,16 do Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường – VIMCERTS 079 thực hiện;

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2026

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG TẠI TP. ĐÀ NẴNG

QA/QC

K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Huỳnh Đức Long

Nguyễn Thị Thanh Thảo



Nguyễn Tuấn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.